

# CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY

*Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*



Được kiểm toán bởi:

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)**

Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Điện thoại: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	03 - 05
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	06 - 07
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 12
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 47



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần BCG Energy (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### **1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty**

Công ty Cổ phần BCG Energy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/06/2017. Giấy phép đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 ngày 05/01/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 2,175,000,000,000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2021: 2,175,000,000,000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất điện (3511).

### **3. Ngành nghề kinh doanh**

Phá dỡ; Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở); Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở). Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh như thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.

### **4. Kết quả hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



**6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Đại diện theo Pháp luật****Hội đồng Quản trị**

Ông	Nguyễn Hồ Nam	Chủ tịch
Ông	Phạm Minh Tuấn	Phó Chủ tịch điều hành
Ông	Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch phụ trách Pháp lý dự án và Đối ngoại
Bà	Hoàng Thị Minh Châu	Phó Chủ tịch phụ trách Tài chính
Ông	Ng Wee Siong Leonard	Thành viên
Ông	Byung Chul Shin	Thành viên
Bà	Trương Ngọc Thùy Trang	Thành viên
Ông	Lương Văn Trung	Thành viên
Ông	Bùi Thành Lâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18/01/2021)
Ông	Tan Bo Quan, Andy	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18/01/2021)

**Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông	Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
Ông	Đông Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Trần Quang Luân	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Phạm Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Phạm Nguyễn Ngọc Thương	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Vũ Vân Ngọc Nicki	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Thanh Hà	Kế toán trưởng

**Đại diện pháp luật**

Ông	Phạm Minh Tuấn	Tổng Giám đốc
-----	----------------	---------------

**7. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

**8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty và các Công ty con tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2022*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**

**Tổng Giám đốc**



**Phạm Minh Tuấn**



Số : ~~382A~~/BCKT/TC/2022/AASCS

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần BCG Energy được lập ngày 01/04/2022 từ trang 08 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần BCG Energy tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 04 năm 2022

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính**

**Kế toán và Kiểm toán Phía Nam**



---

**Lê Đình Ái**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 3770-2018-142-1

**Kiểm toán viên**

---

**Lê Văn Thắng**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0974-2018-142-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.714.590.318.462</b>	<b>3.559.350.349.502,0</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.01	<b>399.169.064.201</b>	<b>448.133.059.898</b>
1. Tiền	111		126.069.064.201	443.333.059.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		273.100.000.000	4.800.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.04	<b>34.992.380.000</b>	<b>600.000.000</b>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		34.992.380.000	600.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.986.554.839.117</b>	<b>2.739.528.498.981</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	59.634.847.358	2.583.087.714
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	353.860.818.325	533.883.134.037
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	195.318.478.890	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.06	4.377.740.694.544	2.203.062.277.230
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.07	<b>605.895.488</b>	<b>258.297.220</b>
1. Hàng tồn kho	141		605.895.488	258.297.220
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>293.268.139.656</b>	<b>370.830.493.403</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	19.748.357.260	904.239.418
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		273.519.632.565	369.917.104.154
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.12	149.831	9.149.831
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.569.425.735.954</b>	<b>7.578.545.685.124</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.672.383.040.680</b>	<b>3.046.249.973.001</b>
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.06	3.672.383.040.680	3.046.249.973.001
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>5.679.139.313.928</b>	<b>150.701.489.870</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	5.679.139.313.928	150.701.489.870
- Nguyên giá	222		5.912.325.076.684	153.163.370.484
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(233.185.762.756)	(2.461.880.614)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.08	<b>1.798.753.630.379</b>	<b>3.768.837.404.599</b>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.798.753.630.379	3.768.837.404.599
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.04	<b>385.854.424.795</b>	<b>517.229.707.497</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		385.264.424.795	369.639.707.497
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		590.000.000	147.590.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.295.326.172</b>	<b>95.527.110.157</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	23.290.682.935	3.429.890.478
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.533.236.442	2.557.772.078
5. Lợi thế thương mại	269		7.471.406.795	89.539.447.601
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>17.284.016.054.416</b>	<b>11.137.896.034.626</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.702.308.433.971</b>	<b>9.399.123.027.069</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.601.993.480.327</b>	<b>3.726.347.110.543</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	472.303.910.205	3.364.803.297.743
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		93.328.400	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	28.604.215.466	8.695.725.971
4. Phải trả người lao động	314		1.765.108.556	182.030.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	150.625.885.600	33.326.508.937
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	1.020.242.536.295	217.764.599.676
10. Vay và nợ tài chính ngắn hạn	320	V.15	928.358.495.805	101.574.948.216
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>10.100.314.953.644</b>	<b>5.672.775.916.526</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11	2.051.832.169.746	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	3.323.301.311.425	3.522.283.900.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	4.609.431.472.473	1.030.192.016.526
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	V.16	115.750.000.000	1.120.300.000.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>4.581.707.620.445</b>	<b>1.738.773.007.557</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	<b>4.581.707.620.445</b>	<b>1.738.773.007.557</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		2.175.000.000.000	1.200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.175.000.000.000	1.200.000.000.000
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		262.422.321.599	51.844.817.997
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		49.373.301.846	(5.354.250.017)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		213.049.019.753	57.199.068.014
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		2.144.285.298.846	486.928.189.560
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>17.284.016.054.416</b>	<b>11.137.896.034.626</b>

Lập, ngày 01 tháng 04 năm 2022

Người lập biểu



Trần Duy Nghĩa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hà

Tổng Giám đốc



  
Phạm Minh Tuấn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	785.116.750.134	5.078.531.169
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		24.700.000.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		760.416.750.134	5.078.531.169
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	329.447.149.171	17.809.390.318
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		430.969.600.963	(12.730.859.149)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	527.484.072.492	137.230.022.329
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	528.025.432.274	63.993.830.259
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		304.015.597.258	16.892.736.663
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(28.307.742.750)	21.424.455.195
9. Chi phí bán hàng	25	VI.05	3.242.819.626	368.415.227
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	44.496.644.703	13.750.255.990
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		354.381.034.102	67.811.116.899
12. Thu nhập khác	31	VI.07	174.136.018	-
13. Chi phí khác	32	VI.08	3.231.734.323	3.726.370.551
14. Lợi nhuận khác	40		(3.057.598.305)	(3.726.370.551)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		351.323.435.797	64.084.746.348
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.09	27.557.668.771	8.130.604.480
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.10	24.535.637	(2.557.772.078)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		323.741.231.389	58.511.913.946
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		213.049.019.753	57.199.068.014
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		110.692.211.636	1.312.845.932
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	1.345	518
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	1.345	518

Người lập biểu

Trần Duy Nghĩa

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà

Lập, ngày 01 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>351.323.435.797</b>	<b>64.084.746.348</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		223.390.879.984	3.305.907.897
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(4.371.894.291)	(3.666.882.804)
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(357.034.019.801)	(81.314.626.589)
- Chi phí lãi vay	06		304.015.597.258	16.892.736.663
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>517.323.998.947</b>	<b>(698.118.485)</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1.274.962.020.287)	(5.346.464.889.278)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(347.598.268)	176.901.223
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(2.780.883.682.971)	4.596.053.330.205
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(38.791.977.984)	724.860.196
- Tiền lãi vay đã trả	14		(263.390.320.525)	(16.892.736.663)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.120.191.076)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(3.849.171.792.164)</b>	<b>(767.100.652.802)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.238.303.794.392)	(2.027.116.592.469)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		200.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(234.957.978.890)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.247.120.000	12.900.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(89.812.812.350)	967.914.898.805
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.142.495.859.066	10.346.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		404.987.510.608	70.447.906.590
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.010.144.095.958)</b>	<b>(965.507.787.074)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.366.910.000.000	400.000.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33		5.280.083.205.885	1.769.749.964.742
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.836.641.313.460)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>4.810.351.892.425</b>	<b>2.169.749.964.742</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(48.963.995.697)</b>	<b>437.141.524.866</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>448.133.059.898</b>	<b>10.991.535.032</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>VII</b>	<b>399.169.064.201</b>	<b>448.133.059.898</b>

Người lập biểu

Trần Duy Nghĩa

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hà

Lập, ngày 01 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần BCG Energy được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314445458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 08/06/2017, thay đổi lần thứ tám ngày 05/01/2022.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là: 2.175.000.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 31/12/2021: 2.175.000.000.000 VND

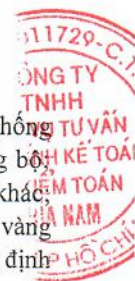
Trụ sở chính của Công ty tại 27C Quốc Hương, phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất điện (3511).

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Phá dỡ; Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở); Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình đường sắt; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ bán buôn bình gas, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí; trừ bán buôn hóa chất tại trụ sở). Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt Quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh); Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh như thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật); Cho thuê xe có động cơ. Chi tiết: Cho thuê ô tô và xe có động cơ khác; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh.



#### 4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các Công ty con là trong vòng 12 tháng.

**5. Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần BCG Energy có 11 (mười một) Công ty con kiểm soát trực tiếp và 32 (ba mươi hai) Công ty con kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con. Ngoài ra, Công ty có 04 (bốn) Công ty liên kết kiểm soát trực tiếp và 01 (một) Công ty liên kết kiểm soát gián tiếp thông qua Công ty con.

Tổng số các Công ty con:	43 Công ty.
- Số lượng các Công ty con được hợp nhất:	43 Công ty.
- Số lượng các Công ty con không được hợp nhất:	0 Công ty.

**a. Danh sách các Công ty con kiểm soát trực tiếp được hợp nhất trong báo cáo**

<b>Tên Đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>	<b>Tỷ lệ kiểm soát</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích</b>
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Hẻm 1, Đường TL 934, Ấp Hòa Mỹ, Thị trấn Mỹ Xuyên, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng.	90%	90%
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	31 Đường số 10, Ấp 4, Khu Dân cư Nam Long, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	90%	90%
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long (Tên cũ: Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long)	Số 356, tổ 13, ấp Phú Tân, Xã Trung Nghĩa, Huyện Vũng Liêm, Tỉnh Vĩnh Long.	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Số 26 đường Trần Khánh Dư, Tổ 1, Phường Diên Hồng, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai.	51%	51%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	100%	99,8%
Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2	Căn PG02-09, Khóm 3, Phường 2, Tp. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh.	93,6%	93,6%
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	25/10 Đường số 3, Khu phố 2, Phường An Khánh, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	99%
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	L14-08B, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	51%	51%
Công ty Cổ phần Skylar	Tầng 14 - 08A Tòa Nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	99%
Công ty Cổ phần BCG GAIA	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99,9%	99,9%
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng lượng Sạch	Tỉnh lộ 639, thôn 8 Đông, Xã Mỹ Thắng, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định.	51,00%	41,28%

## 5. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)

## b. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo

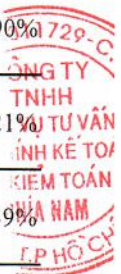
Tên Đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Số 27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh.	74,9%	74,15%
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	51%	50,49%
Công ty TNHH BCG Ever 1	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,49%
Công ty TNHH BCG Ever 2	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,49%
Công ty TNHH BCG Ever 3	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,49%
Công ty TNHH BCG Ever 4	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,49%
Công ty Cổ phần Apollo Development	Tầng 14 - 08A Tòa Nhà Vincom Center, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	69%	68,31%
Công ty TNHH MTV Apollo Development 1	344/38 DX90, đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	68,31%
Công ty TNHH MTV Apollo Development 2	344/38 DX90, đường Phan Đăng Lưu, Khu phố 3, Phường Hiệp An, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	68,31%
Công ty Cổ phần Bleu Soliel	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Quận 2, Tp. Hồ Chí Minh.	51%	50,39%
Công ty TNHH BCG Ever 5	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,43%
Công ty TNHH BCG Ever 6	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,43%
Công ty TNHH BCG Ever 7	1/10 Ngô Văn Trị, Khu phố 2, Phường Phú Lợi, Tp. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.	100%	50,43%
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,39%
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,39%
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,39%
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	50,39%



**5. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)**

**b. Danh sách Công ty con kiểm soát gián tiếp được hợp nhất trong báo cáo (Tiếp theo)**

<i>Tên Đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tỷ lệ kiểm soát</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	99,00%
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,90%
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,90%
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,90%
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	100%	59,90%
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration (SEA JSC)	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	79%	78,21%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	51%	50,49%
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Căn PG3-17, Dãy SH4, Đường số 7A, khóm 5, Phường 1, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau.	100%	50,48%
Công ty Cổ phần Casper Solar	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	98,01%
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	98,01%
Công ty Cổ phần Herb Solar	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	98,01%
Công ty Cổ phần Orchid Solar	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	98,01%
Công ty Cổ phần Rose Solar	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	98,01%
Công ty Cổ phần Sunflower Solar	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	98,01%
Công ty Cổ phần Violet Solar	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	99%	98,01%





**5. Cấu trúc Công ty (Tiếp theo)****c. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát trực tiếp**

Tên Đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Skylight Power	Tầng 14, Tòa nhà Vincom, 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.	50%	50%
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	90 Đường số 10, Ấp 4, Khu dân cư Nam Long, Xã Long Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An.	32%	32%
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Văn phòng 02, Tầng 10, Tòa nhà Pearl Plaza, 561A Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.	50%	50%
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	49%	49%

**d. Danh sách các Công ty liên doanh, liên kết kiểm soát gián tiếp**

Tên Đơn vị	Địa chỉ	Tỷ lệ kiểm soát	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.	50,00%	49,5%

**II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN****1. Chế độ kế toán**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền****a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

**b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**a. Chứng khoán kinh doanh**

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;

- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

Khoản cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty Cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ thặng dư vốn Cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.



**Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh:** phần giá trị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng khoản đầu tư nắm giữ:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi cần được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### c. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

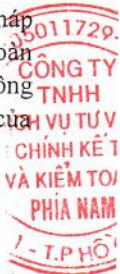
**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### d. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.



Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

##### a. Nguyên tắc ghi nhận

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

##### b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo một trong các phương pháp: bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

##### c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

##### d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được theo dõi chi tiết nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Trong quá trình sử dụng, Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí SXKD đối với TSCĐ có liên quan đến SXKD. Riêng TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất thì chỉ tính khấu hao đối với những TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất có thời hạn.



Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 20
- Phương tiện vận tải	06 - 10
- Máy móc thiết bị	03 - 20
- Thiết bị văn phòng	03 - 10

#### 6. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đóng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn;
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

#### 9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn Cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định vốn điều lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Đối với công ty Cổ phần, vốn góp Cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn Cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn Cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phương án phát hành. Giá trị cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang thặng dư vốn Cổ phần.

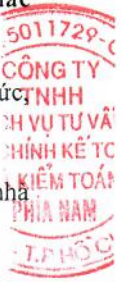
Vốn khác phản ánh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

**b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất cao hơn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chuyển lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ.



Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### **a. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### **c. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

#### **d. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng**

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận tương đương chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### **e. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác**

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...



**14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính;
  - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phản ánh giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**15. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**17. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác ...





**18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

**19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

**20. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**21. Các nguyên tắc và phương pháp lập Báo cáo tài chính hợp nhất****a. Phương pháp kế toán trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua một lần mua**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua phải được loại trừ hoàn toàn, theo nguyên tắc:

- Công ty mẹ phải ghi nhận tài sản, nợ phải trả của công ty con theo giá trị hợp lý tại ngày mua;
- Công ty mẹ phải ghi nhận riêng rẽ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày mua;
- Công ty mẹ ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý cao hơn giá trị ghi sổ; Ghi nhận tài sản thuế hoãn lại đối với các tài sản, nợ phải trả của công ty con có giá trị hợp lý nhỏ hơn giá trị ghi sổ.

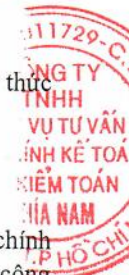
Khoản lợi thế thương mại hoặc khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ trong quá trình mua công ty con (nếu có) được ghi nhận đồng thời khi loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ vào công ty con.

**b. Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

Trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản thuần của các Công ty con được xác định và trình bày thành một chỉ tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định và trình bày riêng biệt trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát". Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con. Thu nhập của cổ đông không kiểm soát trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được phản ánh trong mục "Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát - Mã số 62".



Khi xác định giá trị phần lợi ích cổ đông không kiểm soát cuối kỳ phải loại trừ ảnh hưởng của:

- Cổ tức ưu đãi phải trả;
- Quỹ khen thưởng phúc lợi phải trích lập trong kỳ.

Ngoài những điều trên, lợi ích cổ đông không kiểm soát còn bị ảnh hưởng bởi các giao dịch nội bộ khác.

#### **c. Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty Con**

Nếu sau khi đã kiểm soát công ty con, nếu công ty mẹ tiếp tục đầu tư vào công ty con để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm phải được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và được coi là các giao dịch vốn chủ sở hữu (không ghi nhận như lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ). Trong trường hợp này, công ty mẹ không thực hiện việc ghi nhận tài sản thuần của công ty con theo giá trị hợp lý như tại thời điểm kiểm soát công ty con.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, trước khi thực hiện việc loại trừ khoản đầu tư của công ty mẹ và công ty con, kế toán phải thực hiện một số điều chỉnh đối với giá phí khoản đầu tư của công ty mẹ trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **d. Phương pháp loại trừ các giao dịch nội bộ**

*- Loại trừ ảnh hưởng của giao dịch bán hàng tồn kho*

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất, doanh thu và giá vốn của hàng tiêu thụ trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ toàn bộ. Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch bán hàng đang phản ánh trong giá trị của hàng tồn kho cũng phải được loại trừ hoàn toàn.

*- Các khoản vay trong nội bộ*

Nếu các đơn vị trong một tập đoàn có quan hệ vay mượn lẫn nhau thì số dư tiền vay trong nội bộ tập đoàn đang phản ánh trong các khoản mục “Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn”, “Vay và nợ thuê tài chính dài hạn”, khoản mục “Phải thu về cho vay ngắn hạn”, “Phải thu về cho vay dài hạn khác” phải được loại trừ toàn bộ. Theo đó, các khoản thu nhập từ cho vay và chi phí đi vay cũng phải loại trừ toàn bộ trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

*- Điều chỉnh các khoản mục nội bộ khác*

Số dư các khoản mục phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ tập đoàn, như phải thu, phải trả, doanh thu chưa thực hiện, chi phí trả trước... phải được loại trừ hoàn toàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản doanh thu, thu nhập, giá vốn, chi phí phát sinh từ các giao dịch khác trong nội bộ tập đoàn, như các khoản doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, doanh thu cho thuê, cung cấp dịch vụ... trong nội bộ tập đoàn phải được loại trừ hoàn toàn.

#### **e. Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên doanh và liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ phân bổ lũy kế. Giá gốc lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại trong việc mua lại công ty con được ghi giảm đến giá trị có thể thu hồi khi Ban điều hành xác định rằng khoản này không thể thu hồi đầy đủ.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Đơn vị tính: VND

## 1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	507.757.396	1.134.230.996
- Tiền gửi ngân hàng	125.451.306.805	442.198.828.902
- Tiền đang chuyển	110.000.000	-
- Các khoản tương đương tiền (*)	273.100.000.000	4.800.000.000
<b>Cộng</b>	<b>399.169.064.201</b>	<b>448.133.059.898</b>

**Ghi chú:**

(\*) Trong đó có 200.000.000 VND là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần, với lãi suất 3,8%/ năm, đã được thế chấp cho khoản phát hành Trái phiếu (xem mục V.15 thuyết minh báo cáo tài chính này).

## 2. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>59.634.847.358</b>	<b>2.583.087.714</b>
- Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	49.402.853.275	268.321.400
- Các khách hàng khác	10.231.994.083	2.314.766.314
<b>b. Phải thu khách hàng dài hạn</b>	-	-

## 3. CÁC KHOẢN TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>353.860.818.325</b>	<b>533.883.134.037</b>
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	98.685.937.795	365.036.932.637
- Công ty Cổ phần Green Solution	30.000.000.000	70.000.000.000
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	-	94.725.772.843
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vịnh Nha Trang	36.000.000.000	-
- Công ty TNHH TM DV Huỳnh Phát Huy	68.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Copper Mountain Energy	100.000.000.000	-
- Các khách hàng khác	21.174.880.530	4.120.428.557
<b>b. Trả trước cho người bán dài hạn</b>	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021

**4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH***a. Chứng khoán kinh doanh**b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**b.1 Ngắn hạn*

- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng BIDV

*b.2 Dài hạn***Cộng***c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**c.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết*

- + Công ty TNHH Skylight Power
- + Công ty Cổ phần Hanwha BCG Băng Dương
- + Công ty Cổ phần Bleu Soleil
- + Công ty TNHH BCG Ever5
- + Công ty TNHH BCG Ever6
- + Công ty TNHH BCG Ever7
- + Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M
- + Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong
- + Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky

*c.2 Đầu tư vào các đơn vị khác*

- + Công ty Cổ phần Super Wind Energy Công Lý Cà Mau
- + Công ty Cổ phần Tracodi Power

**Cộng**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ	Giá trị gốc	Giá trị ghi sổ
	34.992.380.000	34.992.380.000	600.000.000	600.000.000
	34.992.380.000	34.992.380.000	600.000.000	600.000.000
	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>34.992.380.000</b>	<b>34.992.380.000</b>	<b>600.000.000</b>	<b>600.000.000</b>

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý
	392.147.712.350	385.264.424.795	348.215.252.302	369.639.707.497
	24.942.712.350	23.420.247.569	24.529.900.000	23.836.205.808
	255.000.000.000	246.787.419.511	255.000.000.000	277.341.217.450
	-	-	5.837.352.302	5.537.101.885
	-	-	280.000.000	279.197.784
	-	-	180.000.000	179.273.587
	-	-	183.000.000	182.270.675
	2.205.000.000	4.966.609.348	2.205.000.000	2.297.350.037
	60.000.000.000	59.983.412.108	60.000.000.000	59.987.090.271
	50.000.000.000	50.106.736.259	-	-
	590.000.000	590.000.000	147.590.000.000	147.590.000.000
	-	-	147.000.000.000	147.000.000.000
	590.000.000	590.000.000	590.000.000	590.000.000
<b>Cộng</b>	<b>392.737.712.350</b>	<b>385.854.424.795</b>	<b>495.805.252.302</b>	<b>517.229.707.497</b>

## 5. CÁC KHOẢN PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>195.318.478.890</b>	-
- Công ty Cổ phần Green Solution	65.348.000.000	-
- Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	53.634.878.890	-
- Các khách hàng khác	76.335.600.000	-
<b>b. Phải thu về cho vay dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>195.318.478.890</b>	-

## 6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>4.377.740.694.544</b>	-	<b>2.203.062.277.230</b>	-
- Tạm ứng	136.913.250.911	-	119.526.371.873	-
- Ký cược, ký quỹ	49.300.000	-	15.000.000	-
- Phải thu khác	4.240.778.143.633	-	2.083.520.905.357	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond (tên cũ: Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời Tân Thạnh 1)	(1) 291.030.798.630	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Artemis Investment	(2) 320.000.000.000	-	-	-
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	(3) 270.259.369.861	-	345.000.000.000	-
+ Trần Thùy Dung	(4) 845.264.527.034	-	-	-
+ Nguyễn Đình Ngón	-	-	285.907.366.666	-
+ Các khách hàng khác	2.514.223.448.108	-	1.452.613.538.691	-
<b>b. Phải thu dài hạn khác</b>	<b>3.672.383.040.680</b>	-	<b>3.046.249.973.001</b>	-
- Phải thu khác	3.642.732.354.680	-	3.021.304.000.001	-
+ Công ty Cổ phần Plus Investment	-	-	529.200.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Mega Solar	-	-	585.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Helios	-	-	450.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1	(5) 2.500.000.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát (Tên cũ: Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 1)	(6) 497.500.000.000	-	587.500.000.000	-
+ Các khách hàng khác	645.232.354.680	-	869.604.000.001	-
- Ký cược, ký quỹ	29.650.686.000	-	24.945.973.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.050.123.735.224</b>	-	<b>5.249.312.250.231</b>	-

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

(1) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HTKD-TH-TT ngày 01/12/2021 giữa Công ty con - Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa và Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond (tên cũ: Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời Tân Thạnh 1), số tiền hợp tác đầu tư là 290,6 tỷ đồng, thời gian hợp tác dự kiến 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(2) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1312/2021/HTKD-DT1-ARTEMIS ngày 13/12/2021 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Artemis Investment, số tiền hợp tác đầu tư là 320 tỷ đồng, thời gian hợp tác dự kiến 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.

(3) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Bà Phạm Thị Ngọc Thanh và các Công ty con để thực hiện các Dự án điện mặt trời. Thời gian hợp tác là 12 tháng.

(4) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Bà Trần Thùy Dung và các Công ty con để thực hiện các Dự án điện mặt trời. Thời gian hợp tác là 12 tháng.

(5) Thực hiện Nghị quyết số 10/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 15/04/2021 của Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty mẹ - Công ty Cổ phần BCG Energy, Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 270421 BCG-KL1 ngày 20/04/2021 với Công ty Cổ phần Điện Gió BCG Khai Long 1 về việc đầu tư phát triển Dự án Nhà máy điện gió KDL Khai Long-Giai đoạn 1, thời hạn hợp tác là 03 năm.

(6) Khoản phải thu theo các hợp đồng hợp tác đầu tư:

- HTKD.2020.01/DT1-KL1 ngày 17/12/2020 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát (Tên cũ: Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 1) để thực hiện các dự án. Số tiền hợp tác là 170 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 3 năm.

- HTKD.2020.01/DT2-KL1 ngày 17/12/2020 và các Phụ lục hợp đồng kèm theo giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công trình Toàn Phát (Tên cũ: Công ty Cổ phần Điện gió Khai Long 1) Số tiền hợp tác là 327,5 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 3 năm.

Lợi nhuận phát sinh từ Dự án sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh thực tế và thỏa thuận bằng Phụ lục Hợp đồng.

**7. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	392.598.268	-	131.651.766	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	213.297.220	-	126.645.454	-
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>605.895.488</b>	<b>-</b>	<b>258.297.220</b>	<b>-</b>

**8. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Chi phí SXKD dở dang dài hạn</b>	-	-
<b>b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>1.798.753.630.379</b>	<b>3.768.837.404.599</b>
- Xây dựng cơ bản dở dang	1.769.773.415.865	3.038.798.865.860
+ Dự án nhà máy điện mặt trời Krông Pa 2	282.106.910.561	-
+ Dự án Nhà máy điện Phù Mỹ	1.487.666.505.304	3.038.798.865.860
- Mua sắm tài sản cố định	205.413.800	-
- Chi phí xây dựng khác	28.774.800.714	730.038.538.739
<b>Cộng</b>	<b>1.798.753.630.379</b>	<b>3.768.837.404.599</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021**9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình</b>					
1. Số dư đầu năm	-	147.309.098.120	5.854.272.364	-	153.163.370.484
2. Số tăng trong năm	4.488.901.479.002	971.101.193.748	298.095.293.450	1.905.280.000	5.760.003.246.200
- Mua trong năm	-	192.068.825.656	8.404.486.364	1.905.280.000	202.378.592.020
- Đầu tư XDCN hoàn thành	4.488.901.479.002	763.185.053.757	289.690.807.086	-	5.541.777.339.845
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	15.847.314.335	-	-	15.847.314.335
3. Số giảm trong năm	-	-	841.540.000	-	841.540.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	841.540.000	-	841.540.000
4. Số dư cuối năm	4.488.901.479.002	1.118.410.291.868	303.108.025.814	1.905.280.000	5.912.325.076.684

**II. Giá trị hao mòn lũy kế**

1. Số dư đầu năm	-	2.011.717.401	450.163.213	-	2.461.880.614
2. Khấu hao trong năm	171.110.002.634	49.932.842.022	9.772.720.209	122.995.852	230.938.560.717
- Khấu hao tăng trong năm	171.110.002.634	49.668.720.117	9.772.720.209	122.995.852	230.674.438.812
- Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	264.121.905	-	-	264.121.905
3. Giảm trong năm	-	-	214.678.575	-	214.678.575
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	214.678.575	-	214.678.575
4. Số dư cuối năm	171.110.002.634	51.944.559.423	10.008.204.847	122.995.852	233.185.762.756

**III. Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình**

1. Tại ngày đầu năm	-	145.297.380.719	5.404.109.151	-	150.701.489.870
2. Tại ngày cuối năm	4.317.791.476.368	1.066.465.732.445	293.099.820.967	1.782.284.148	5.679.139.313.928

**Ghi chú:**

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay, nợ :

4.068.093.941.527 VND

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

0 VND



## 10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>19.748.357.260</b>	<b>904.239.418</b>
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	548.423.632	494.778.814
- Chi phí bảo hiểm	2.653.939.765	-
- Chi phí khác chờ phân bổ	16.545.993.863	409.460.604
<b>b. Dài hạn</b>	<b>23.290.682.935</b>	<b>3.429.890.478</b>
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.123.285.187	674.007.700
- Chi phí khác chờ phân bổ	21.167.397.748	2.755.882.778
<b>Cộng</b>	<b>43.039.040.195</b>	<b>4.334.129.896</b>

## 11. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>472.303.910.205</b>	<b>472.303.910.205</b>	<b>3.364.803.297.743</b>	<b>3.364.803.297.743</b>
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	93.566.390.117	93.566.390.117	1.806.024.180.613	1.806.024.180.613
- Công ty TNHH Powerchina Việt Nam	183.994.852.988	183.994.852.988	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	91.624.928.046	91.624.928.046	-	-
- Nguyễn Văn Lục	-	-	633.259.670.213	633.259.670.213
- Các khách hàng khác	103.117.739.054	103.117.739.054	925.519.446.917	925.519.446.917
<b>b. Dài hạn</b>	<b>2.051.832.169.746</b>	<b>2.051.832.169.746</b>	-	-
- Powerchina Jiangxi Electric Power Engineering Co., Ltd	1.662.587.332.563	1.662.587.332.563	-	-
- Các khách hàng khác	389.244.837.183	389.244.837.183	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.524.136.079.951</b>	<b>2.524.136.079.951</b>	<b>3.364.803.297.743</b>	<b>3.364.803.297.743</b>
<b>c. Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>	-	-	-	-
<b>d. Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	-	-	-	-



## 12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>a. Phải nộp</b>	<b>8.695.725.971</b>	<b>35.651.577.546</b>	<b>15.743.088.051</b>	<b>28.604.215.466</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.130.604.480	27.557.668.771	8.120.191.076	27.568.082.175
Thuế thu nhập cá nhân	565.121.491	5.523.712.061	5.060.376.284	1.028.457.268
Thuế khác	-	860.495.248	852.819.225	7.676.023
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	131.356.552	131.356.552	-
	Số đầu năm	Số giảm trong năm	Số tăng trong năm	Số cuối năm
<b>b. Phải thu</b>	<b>9.149.831</b>	<b>9.000.000</b>	-	<b>149.831</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	149.831	-	-	149.831
Thuế khác	9.000.000	9.000.000	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>150.625.885.600</b>	<b>33.326.508.937</b>
- Lãi vay, lãi trái phiếu, lãi hợp tác đầu tư	101.384.340.029	10.987.528.055
- Trích trước chi phí xây dựng cơ bản	10.654.958.242	22.338.980.882
- Chi phí phải trả khác	38.586.587.329	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>150.625.885.600</b>	<b>33.326.508.937</b>

## 14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.020.242.536.295</b>	<b>217.764.599.676</b>
- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	316.882.700	49.946.816
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.019.925.653.595	217.714.652.860
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	-	87.152.547.944
+ Công ty Cổ phần Thương mại Vũ Tuấn	700.000.000.000	-
+ Trần Thị Thanh Thảo	237.473.000.000	-
+ Các khách hàng khác	82.452.653.595	130.562.104.916



14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC (TIẾP THEO)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>b. Dài hạn</b>	<b>3.323.301.311.425</b>	<b>3.522.283.900.000</b>
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.323.301.311.425	3.522.283.900.000
+ Công ty Cổ phần BCG Land Gateway	(1) 490.525.000.000	1.042.000.000.000
+ Công ty Cổ phần MGM Hanbit	(2) 320.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Skylar Flagship	(3) 680.000.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Green Solution	-	529.200.000.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond (tên cũ: Công ty Cổ phần Năng lượng Mặt trời Tân Thanh 1)	(4) 647.162.911.425	361.390.000.000
+ Phạm Thị Ngọc Thanh	-	355.498.900.000
+ Các khách hàng khác	1.185.613.400.000	1.234.195.000.000

**Ghi chú:**

(1) Khoản phải trả theo các hợp đồng:

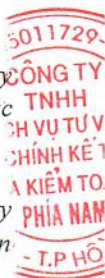
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601//2021/HTKD/GATEWAY-DT1 ký ngày 23/06/2021 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần BCG Land Gateway. Số tiền hợp tác là 300 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 10 năm.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 230601//2021/HTKD/GATEWAY-DT2 ký ngày 23/06/2021 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 và Công ty Cổ phần BCG Land Gateway. Số tiền hợp tác là 190,525 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 10 năm.

(2) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 13/12/2021 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần MGM Hanbit. Số tiền hợp tác là 320 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 10 năm.

(3) Khoản phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 29.11/2021/HĐ-HTDT/DT1- SL ký ngày 29/11/2021 giữa Công ty con - Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 và Công ty Cổ phần Skylar Flagship. Số tiền hợp tác là 680 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 10 năm.

(4) Khoản phải trả theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 23112020/2020/HTKD-TANTHANH-BCGE ngày 23/11/2020 giữa Công ty mẹ - Công ty Cổ phần BCG Energy và Công ty Cổ phần Đầu tư Tân Thạnh Diamond về việc hợp tác đầu tư Dự án Nhà máy điện gió Đông Thành 1 do Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 1 làm chủ đầu tư và Nhà máy Điện gió Đông Thành 2 do Công ty TNHH Điện gió Đông Thành 2 làm chủ đầu tư. Số tiền thỏa thuận hợp tác đầu tư là 700 tỷ đồng. Thời gian hợp tác là 02 năm. Các bên sẽ phân chia lợi nhuận căn cứ vào báo cáo tình hình kinh doanh của từng dự án.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BCG ENERGY**

27C Quốc Hương, Phường Thảo Điền, Tp. Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2021

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	Số đầu năm		Phát sinh		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>						
<b>a.1 Vay ngắn hạn</b>						
+ Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower	-	-	295.836.088.575	202.375.949.196	93.460.139.379	93.460.139.379
+ Công ty Cổ phần Năng Lượng Mặt trời Tân Thạnh Diamond	-	-	18.174.088.575	-	18.174.088.575	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Phú Nhuận	-	-	81.662.000.000	6.375.949.196	75.286.050.804	75.286.050.804
<b>a.2- Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	90.000.000.000	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Năng lượng TNPower	90.000.000.000	90.000.000.000	-	90.000.000.000	-	-
<b>a.3 Vay dài hạn đến hạn trả</b>	11.574.948.216	11.574.948.216	393.898.356.426	11.574.948.216	393.898.356.426	393.898.356.426
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành (1)	1.014.948.216	1.014.948.216	94.831.627.659	1.014.948.216	94.831.627.659	94.831.627.659
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bến Thành (5)	10.560.000.000	10.560.000.000	115.780.000.000	10.560.000.000	115.780.000.000	115.780.000.000
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Phú Nhuận (4)	-	-	28.618.165.463	-	28.618.165.463	28.618.165.463
+ Ngân hàng TNHH Indovina (2)	-	-	41.780.000.000	-	41.780.000.000	41.780.000.000
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 12 TP.HCM (3)	-	-	112.888.563.304	-	112.888.563.304	112.888.563.304
<b>Cộng</b>	<b>101.574.948.216</b>	<b>101.574.948.216</b>	<b>689.734.445.001</b>	<b>303.950.897.412</b>	<b>487.358.495.805</b>	<b>487.358.495.805</b>
<b>b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn</b>						
<b>b.1 Vay dài hạn</b>						
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành (1)	443.625.016.526	443.625.016.526	2.090.814.117.310	639.208.772.474	1.895.230.361.362	1.895.230.361.362
+ Ngân hàng TNHH Indovina (2)	46.969.201.784	46.969.201.784	719.982.845.606	120.860.209.170	646.091.838.220	646.091.838.220
+ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN 12 - TP.HCM (3)	663.000.000	663.000.000	43.517.000.000	44.180.000.000	-	-
+ Ngân hàng SHB - CN Phú Nhuận (4)	261.537.907.266	261.537.907.266	1.304.750.656.038	327.488.563.304	1.238.800.000.000	1.238.800.000.000
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bến Thành (5)	8.336.384.334	8.336.384.334	22.563.615.666	30.900.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Bến Thành	126.118.523.142	126.118.523.142	-	115.780.000.000	10.338.523.142	10.338.523.142
<b>Cộng</b>	<b>443.625.016.526</b>	<b>443.625.016.526</b>	<b>2.090.814.117.310</b>	<b>639.208.772.474</b>	<b>1.895.230.361.362</b>	<b>1.895.230.361.362</b>



## 15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

	Số đầu năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị
<b>c. Trái phiếu thường</b>				
<b>c.1 Trái phiếu ngắn hạn</b>				
+ Loại phát hành theo mệnh giá	(6)	-		441.000.000.000
		-		441.000.000.000
<b>c.2 Trái phiếu dài hạn</b>				2.714.201.111.111
+ Loại phát hành theo mệnh giá	(7)	50.000.000.000	11,0%	49.666.666.666
+ Loại phát hành theo mệnh giá	(7)	70.000.000.000	11,0%	69.413.333.333
+ Loại phát hành theo mệnh giá	(7)	100.000.000.000	11,0%	99.093.333.333
+ Loại phát hành theo mệnh giá	(8)	-		998.444.444.448
+ Loại phát hành theo mệnh giá	(9)	-		1.497.583.333.331
+ Loại phát hành theo mệnh giá		366.567.000.000	11%	-
<b>Cộng</b>		<b>586.567.000.000</b>		<b>3.155.201.111.111</b>

**Ghi chú:**

(1) Đây là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Bến Thành với các Công ty con. Thời hạn vay từ 84 đến 120 tháng. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp toàn bộ tài sản liên quan của Dự án (xem mục V.09 thuyết minh báo cáo tài chính này).

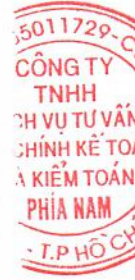
(2) Đây là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TNHH Indovina - CN Bến Thành với các Công ty con, Mục đích vay: đầu tư dự án Điện mặt trời áp mái, thời hạn vay 08 năm. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản liên quan của dự án (xem mục V.09 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(3) Theo Hợp đồng vay số 79/2020/HDCVDADDT/NHCT944-NLS ngày 09/10/2020 của Công ty con - Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng Lượng Xanh. Hạn mức tín dụng là 2,623 tỷ đồng. Mục đích: cho vay thanh toán chi phí đầu tư Dự án Điện mặt trời Phù Mỹ - Giai đoạn 1. Thời hạn vay 126 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai của Dự án theo các Hợp đồng thế chấp tài sản, quyền tài sản số 139, 140, 141, 142, 143, 144/HĐBĐ/NHCT944-NLS ngày 09/10/2020 (xem mục V.09 thuyết minh báo cáo tài chính này).

(4) Đây là khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội với các Công ty con, Mục đích vay: đầu tư dự án Điện năng lượng mặt trời tại các Công ty con, thời hạn vay 84 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng toàn bộ tài sản liên quan của dự án (xem mục V.09 thuyết minh báo cáo tài chính này).

**15. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- (5) Theo Hợp đồng vay số BEN/20226 ngày 18/12/2020 của Công ty con - Công ty Cổ phần Skylar, hạn mức vay 150 tỷ đồng, mục đích vay: đầu tư dự án Điện năng lượng mặt trời, thời hạn vay 84 tháng. Hợp đồng vay được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp toàn bộ tài sản liên quan của Dự án (xem mục V.09 thuyết minh báo cáo tài chính này).
- (6) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Tiên Phong làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu: TNECH.2122001, phát hành từ ngày 10/12/2021 có mệnh giá: 100.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản của dự án Krong pa 2 thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên và các Hợp đồng thế chấp cổ phần của các cá nhân, tổ chức góp vốn tại Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên.
- (7) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu bao gồm BCGE.2020.3Y, BCGE.2020.5Y, BCGE.2020.7Y, phát hành từ ngày 31/08/2020 có mệnh giá: 10.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng các Dự án điện mặt trời áp mái tại các Công ty con gián tiếp. Ngoài ra, các trái phiếu này cũng được Công ty Cổ phần Bamboo Capital bảo lãnh thanh toán không hủy ngang và vô điều kiện.
- (8) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCCH2124002, phát hành từ ngày 26/04/2021 có mệnh giá: 100.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và các Hợp đồng thế chấp cổ phần của các cá nhân góp vốn tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1.
- (9) Trái phiếu phát hành riêng lẻ do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh làm đại lý lưu ký, tư vấn phát hành. Mã trái phiếu là EBCCCH2124003, phát hành từ ngày 24/05/2021. Mệnh giá: 100.000.000 đồng/Trái phiếu. Loại hình trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được đảm bảo bằng Hợp đồng thế chấp quyền tài sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1 và các Hợp đồng thế chấp cổ phần của các cá nhân góp vốn tại Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 1.



## 16. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát hành trong năm	Đào hạn trái phiếu		Số cuối năm
				Thực hiện quyền chọn chuyển đổi	Không thực hiện quyền chọn chuyển đổi	
<b>1</b>	<b>Kỳ hạn gốc (tháng)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	36				36
b	Trái phiếu chuyển đổi CEVD (05/12/2020)	12			12	-
<b>2</b>	<b>Kỳ hạn còn lại (tháng)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	20				8
b	Trái phiếu chuyển đổi CEVD (05/12/2020)	11,5			11,5	-
<b>3</b>	<b>Số lượng (trái phiếu)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	1.157.500				1.157.500
b	Trái phiếu chuyển đổi CEVD (05/12/2020)	100.455			100.455	-
<b>4</b>	<b>Mệnh giá (đồng/ trái phiếu)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	100.000				100.000
b	Trái phiếu chuyển đổi CEVD (05/12/2020)	10.000.000			10.000.000	-
<b>5</b>	<b>Lãi suất (%)</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	7%				7%
b	Trái phiếu chuyển đổi CEVD (05/12/2020)	10,5%				-
<b>6</b>	<b>Tỷ lệ chuyển đổi</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
b	Trái phiếu chuyển đổi CEVD (05/12/2020)					
<b>7</b>	<b>Lãi suất chiết khấu</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
b	Trái phiếu chuyển đổi CEVD (05/12/2020)					
<b>8</b>	<b>Nợ gốc trái phiếu</b>	<b>1.120.300.000.000</b>				<b>115.750.000.000</b>
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)	115.750.000.000				115.750.000.000
b	Trái phiếu chuyển đổi CEVD (05/12/2020)	1.004.550.000.000			1.004.550.000.000	-
<b>9</b>	<b>Quyền chọn chuyển đổi</b>					
a	Trái phiếu chuyển đổi BCG Energy (04/09/2019)					
b	Trái phiếu chuyển đổi CEVD (05/12/2020)					

**16. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (TIẾP THEO)**

**Ghi chú:**

(a) - Công ty Cổ phần BCG Energy (BCG Energy) phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Hanwha Energy Corporation Singapore Pte. Ltd theo Hợp đồng ngày 13/08/2019. Mã Trái phiếu: BOND/BE/2019.01.

- Số lượng trái phiếu: 1.157.500 trái phiếu; Mệnh giá: 100.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 3 năm; Lãi suất danh nghĩa: 7%/năm; Lãi suất phát hành thực tế: 7%/năm; Thời gian phát hành: từ ngày 04/09/2019.

- Quyền chuyển đổi: sau kỳ hạn 03 năm kể từ ngày phát hành trái phiếu, toàn bộ trái phiếu phát hành sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của Công ty Cổ phần BCG Energy, với trị giá mệnh giá chuyển đổi là 10.000 đồng/cổ phiếu. Tỷ lệ chuyển đổi: bằng mệnh giá Trái phiếu chia cho giá chuyển đổi được xác định tại thời điểm chuyển đổi.

(b) - Công ty Cổ phần Phát triển Tâm nhìn Năng lượng sạch (CEVD) phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd. Mã trái phiếu: NLS\_BOND\_2020.

- Số lượng trái phiếu: 100.455 trái phiếu; Mệnh giá: 10.000.000 đồng/Trái phiếu; Thời hạn: 1 năm 1 ngày; Lãi suất phát hành thực tế: 10,5%/năm; Thời gian phát hành: từ ngày 05/12/2020; Loại hình trái phiếu: trái phiếu chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có tài sản đảm bảo; Phương thức thanh toán gốc và lãi: lãi sẽ được thanh toán tại ngày đáo hạn.

- Tại ngày 05/12/2021, Nhà đầu tư nước ngoài là Công ty Leader Energy (Vietnam) Pte. Ltd. không thực hiện Quyền chuyển đổi trái phiếu nêu trên.

## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

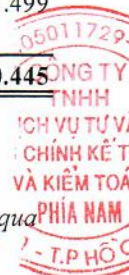
## a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	800.000.000.000	(5.407.622.509)	(64.829.111)	794.527.548.380
- Tăng vốn	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	57.199.068.014	1.312.845.932	58.511.913.946
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	53.372.492	485.680.172.739	485.733.545.231
Số dư tại 01/01/2021	1.200.000.000.000	51.844.817.997	486.928.189.560	1.738.773.007.557
- Tăng vốn (*)	975.000.000.000	-	-	975.000.000.000
- Lợi nhuận trong năm	-	213.049.019.753	110.692.211.636	323.741.231.389
- Tăng/(giảm) do hợp nhất Công ty con	-	(2.471.516.151)	1.546.664.897.650	1.544.193.381.499
Số dư tại 31/12/2021	2.175.000.000.000	262.422.321.599	2.144.285.298.846	4.581.707.620.445

Ghi chú:

(\*) Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường số 10/2020/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 29/09/2020 đã thông qua việc tăng Vốn điều lệ của Công ty lên 1.620.000.000.000 đồng.

Theo Nghị Quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường số 11/2021/NQ-ĐHĐCĐ-BCGE ngày 08/07/2021 đã thông qua việc tăng Vốn điều lệ của Công ty lên 2.175.000.000.000 đồng.





## 17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

*b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty Cổ phần Bamboo Capital	1.608.000.000.000	1.188.000.000.000
- Lê Thị Mai Loan	6.000.000.000	6.000.000.000
- Nguyễn Thanh Hùng	6.000.000.000	6.000.000.000
- Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Việt Cát	555.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.175.000.000.000</b>	<b>1.200.000.000.000</b>

*c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
+ Vốn góp đầu năm	1.200.000.000.000	800.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	975.000.000.000	400.000.000.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	2.175.000.000.000	1.200.000.000.000
- <i>Cổ tức lợi nhuận đã chia</i>	-	-

*d. Cổ phiếu*

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	217.500.000	120.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	217.500.000	120.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	217.500.000	120.000.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	217.500.000	120.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	217.500.000	120.000.000

(\*) Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

Đơn vị tính: VND

**1. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Doanh thu</b>	<b>785.116.750.134</b>	<b>5.078.531.169</b>
- Doanh thu cung cấp hàng hoá, thành phẩm	629.893.494.202	2.712.743.520
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	154.941.040.334	2.365.787.649
- Doanh thu khác	282.215.598	-
<b>b. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>24.700.000.000</b>	<b>-</b>
- Hàng bán bị trả lại	24.700.000.000	-

**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn hàng hóa, thành phẩm đã bán	281.185.968.036	1.953.006.442
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	47.978.965.537	15.856.383.876
- Giá vốn khác	282.215.598	-
<b>Cộng</b>	<b>329.447.149.171</b>	<b>17.809.390.318</b>

**3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.645.210.815	1.097.690.410
- Lãi đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	20.250.000.000	5.760.000.000
- Lãi phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư	489.216.967.386	126.594.533.499
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	110.915.616
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	4.371.894.291	3.666.882.804
<b>Cộng</b>	<b>527.484.072.492</b>	<b>137.230.022.329</b>

**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay, lãi trái phiếu	304.015.597.258	16.892.736.663
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	45.028.202	72.221.450
- Lỗ đầu tư cổ phiếu, trái phiếu	4.795.891.942	-
- Chi phí phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư	132.561.296.968	46.668.872.146
- Chi phí tài chính khác	86.607.617.904	360.000.000
<b>Cộng</b>	<b>528.025.432.274</b>	<b>63.993.830.259</b>

**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm nay	Năm trước
<b>a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>3.242.819.626</b>	<b>368.415.227</b>
- Chi phí nhân viên	-	1.690.000
- Chi phí đồ dùng văn phòng	34.879.613	7.238.523
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.851.796.031	320.135.885
- Chi phí bằng tiền khác	356.143.982	39.350.819
<b>b. Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong năm</b>	<b>44.496.644.703</b>	<b>13.750.255.990</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	16.867.056.599	6.638.964.390
- Chi phí vật liệu quản lý	425.634.206	19.617.140
- Chi phí đồ dùng văn phòng	211.287.338	176.262.135
- Chi phí khấu hao TSCĐ	107.498.821	-
- Thuế, phí và lệ phí	1.086.300.685	49.081.343
- Phân bổ lợi thế thương mại	(7.283.558.828)	900.939.395
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.420.518.484	4.447.000.540
- Chi phí khác	13.661.907.398	1.518.391.047

**6. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

**Cộng**

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
6.177.179.357	21.320.927
44.059.501.659	11.599.194.004
230.674.438.812	3.305.907.897
74.769.912.225	20.341.902.280
28.882.249.658	1.781.381.557
<b>384.563.281.711</b>	<b>37.049.706.665</b>

**7. THU NHẬP KHÁC**

- Thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Các khoản khác

**Cộng**

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
18.138.575	-
155.997.443	-
<b>174.136.018</b>	<b>-</b>

**8. CHI PHÍ KHÁC**

- Tiền phạt, tiền thuế khác phải đóng do vi phạm hành chính
- Các khoản khác

**Cộng**

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
341.209.584	900.831.001
2.890.524.739	2.825.539.550
<b>3.231.734.323</b>	<b>3.726.370.551</b>

**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
  - + Các khoản điều chỉnh tăng / (giảm) lợi nhuận tính thuế
- Tổng thu nhập chịu thuế
  - + Lỗ từ các năm trước chuyển sang
  - + Thu nhập miễn, giảm thuế
- Tổng thu nhập tính thuế
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành
  - + Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
  - + Khoản thuế miễn giảm

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>351.323.435.797</b>	<b>64.084.746.348</b>
(6.871.304.107)	(5.571.260.131)
<b>344.452.131.690</b>	<b>58.513.486.217</b>
(9.398.680.136)	(437.739.942)
(177.967.724.457)	-
<b>157.085.727.097</b>	<b>58.075.746.275</b>
<b>27.557.668.771</b>	<b>8.130.604.480</b>
31.417.145.420	11.615.149.255
(3.859.476.649)	(3.484.544.775)

**10. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
170.518.138	-
(145.982.501)	(2.557.772.078)
<b>24.535.637</b>	<b>(2.557.772.078)</b>

**11. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu

<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
213.049.019.753	57.199.068.014
158.355.781	110.356.164
<b>1.345</b>	<b>518</b>

**12. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	213.049.019.753	57.199.068.014
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	158.355.781	110.356.164
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.345</b>	<b>518</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

1. Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất: không phát sinh.

2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có thể chấp 200.000.000 VND tại khoản mục tương đương tiền (xem mục V.01 thuyết minh báo cáo tài chính này) để đảm bảo cho các khoản phát hành Trái phiếu.

3. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.296.650.205.885	178.632.964.742
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	2.983.433.000.000	586.567.000.000
- Tiền thu từ phát hành trái phiếu chuyển đổi	-	1.004.550.000.000

4. Số tiền đã trả thực gốc vay trong năm

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	432.091.313.460	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	400.000.000.000	-
- Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	1.004.550.000.000	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

a. Các bên liên quan

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BCG Wind Sóc Trăng	Công ty con
Công ty Cổ phần Năng lượng BCG Thạnh Hóa	Công ty con
Công ty Cổ phần Nông thôn Việt Energy	Công ty con
Công ty Cổ phần Skylar	Công ty con
Công ty Cổ phần Aurai Wind Energy	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Năng lượng Thành Nguyên	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG Vĩnh Long	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 1	Công ty con
Công ty TNHH Điện Gió Đông Thành 2	Công ty con
Công ty Cổ phần BCG GAIA	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Tầm nhìn Năng Lượng Sạch	Công ty con
Công ty Cổ phần Sustainable Energy Aspiration	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Apollo Development	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Greensky Infinitive	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Evergreen	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Apollo DV2	Công ty con gián tiếp

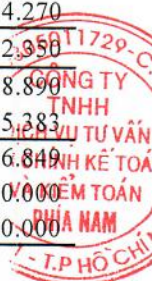
*a. Các bên liên quan (Tiếp theo)*

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Quan hệ</i>
Công ty TNHH BCG Ever1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bleu Soleil	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever5	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever6	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH BCG Ever7	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Bleu Soleil-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Skylar1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Skylar2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Skylar3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Skylar4	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Dịch vụ Greensky Infinitive-1	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Xây lắp Greensky Infinitive-2	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Greensky Infinitive-3	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Kỹ thuật điện Greensky Infinitive-4	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 2	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Điện gió BCG Khai Long 3	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Casper Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Cosmos Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Herb Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Orchid Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Rose Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sunflower Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Violet Solar	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Công ty liên kết
Công ty TNHH Skylight Power	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng Dương Phong	Công ty liên kết
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Công ty liên kết gián tiếp
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Cùng công ty mẹ gián tiếp
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	Cùng công ty mẹ gián tiếp
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	Cùng công ty mẹ gián tiếp
Công ty Cổ phần Tapiotek	Cùng công ty mẹ gián tiếp
Công ty Cổ phần BCG Land	Cùng công ty mẹ gián tiếp
Ban Tổng Giám đốc, HĐQT	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan



## b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác	Tiền lương, thưởng	6.142.623.637
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.000.000.000
	Nhận cung cấp dịch vụ	384.023.756
	Chi phí quản lý	12.944.000.000
Công ty Cổ phần BCG Land	Chi phí quản lý	325.000.000
	Nhận cung cấp dịch vụ	10.874.727
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	Nhận cung cấp dịch vụ	70.350.925.166
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	974.213.700
	Thu nhập khác	71.500.000
Công ty TNHH Du lịch Casa Marina Resort	Nhận cung cấp dịch vụ	59.542.010
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	Nhận cung cấp dịch vụ	3.432.000.000
Công ty Cổ phần Tapiotek	Doanh thu cung cấp dịch vụ	145.248.284
	Nhận cung cấp dịch vụ	132.734.270
Công ty TNHH Skylight Power	Góp vốn đầu tư	412.812.350
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	Cho vay	65.334.878.890
	Lãi cho vay	2.335.035.383
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	Chi phí lãi vay	221.506.849
	Chi tiền hợp tác kinh doanh	49.000.000.000
	Nhận tiền hợp tác kinh doanh	49.000.000.000



## c. Số dư cuối năm với các bên liên quan

Tên đơn vị	Chỉ tiêu	Số tiền
Ông Nguyễn Hồ Nam	319	140.000.000
	131	2.200.000.000
Công ty Cổ phần Bamboo Capital	311	9.339.700.000
	319	5.475.000.000
Công ty Cổ phần BCG Land	136	11.047.654.795
	311	27.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	131	1.071.635.070
	311	91.624.928.046
	331	8.377.378.844
Công ty Cổ phần Du lịch Casa Marina Resort	319	7.215.000.000
	311	500
Công ty Cổ phần BCG - SP Greensky	136	8.000.000
	319	221.506.849
Công ty Cổ phần Tapiotek	131	50.024.386
	136	95.223.898
	315	19.348.050
Công ty Cổ phần Tracodi Trading & Consulting	311	82.453.085
Công ty TNHH Hanwha BCGE - O&M	311	2.034.890.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Hanwha - BCG Băng Dương	135	53.634.878.890
	136	2.335.035.383

**2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Thông tin báo cáo bộ phận được trình bày chủ yếu là kết quả kinh doanh lợi nhuận thuần theo bộ phận khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và quản lý của Công ty.

Kết quả báo cáo bộ phận lợi nhuận thuần bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Do trong năm công ty chủ yếu hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước nên báo cáo bộ phận về lợi nhuận thuần chủ yếu theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Bán hàng hoá	Cung cấp dịch vụ	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần	629.893.494.202	130.241.040.334	282.215.598	760.416.750.134
Giá vốn	281.185.968.036	47.978.965.537	282.215.598	329.447.149.171
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>348.707.526.166</b>	<b>82.262.074.797</b>	-	<b>430.969.600.963</b>

**3. THÔNG TIN SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

Số liệu chi tiết của một số chỉ tiêu trên thuyết minh Báo cáo tài chính (Số năm trước) được trình bày và phân loại lại số dư để phù hợp với số liệu so sánh đến cuối kỳ theo quy định tại Chuẩn mực kế toán VAS 21.

Người lập biểu



Trần Duy Nghĩa

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thanh Hà

Lập, ngày 01 tháng 04 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Tuấn